

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 02/2023/KDTM-ST

Ngày: 29/5/2023

(V/v: *Tranh chấp Hợp đồng mua bán*).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Thôi;

2. Bà Lê Thị F Thu;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 21/2022/TLST- KDTM ngày 26/10/2022 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2023/QĐXXST– KDTM ngày 12 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2023/QĐST-DS ngày 10/5/2023, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A.

Do ông Trần Thanh B, giám đốc đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ trụ sở: số 52 ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn F, sinh năm 1961 – Trú tại: số 161/13 Đường G, khu phố 1, phường H, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

* **Bị đơn:** Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Giám sát Xây dựng I.

Do ông Lý Quốc J, sinh năm 1987 - Giám đốc đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ trụ sở: thôn K, xã L, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt đại diện nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Công ty TNHH TM Xuất nhập khẩu A đã ký các hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng như tôn lạnh, thép lá mạ, tôn cuộn... với Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Giám sát Xây dựng I, cụ thể là Hợp đồng số 05.2022/HĐMB/ĐQ-TP ngày 15/2/2022, số tiền là 691.357.451 đồng; Hợp đồng số 06.2022/HĐMB/ĐQ-TP ngày 23/2/2022, số tiền là 1.309.700.806 đồng; Hợp đồng số 07.2022/HĐMB/ĐQ-TP ngày 26/2/2022, số tiền là 3.000.314.464 đồng. Tổng cộng số tiền là 5.001.372.821 đồng.

Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Giám sát Xây dựng I đã thanh toán năm lần cho Công ty A tổng cộng 1.600.000.000 đồng vào các ngày như sau: ngày 11/3/2022 trả 500.000.000 đồng; ngày 14/3/2022 trả 500.000.000 đồng; ngày 15/3/2022 trả 300.000.000 đồng; ngày 16/3/2022 trả 200.000.000 đồng và ngày 25/3/2022 trả 100.000.000 đồng.

Như vậy hiện nay, Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Giám sát Xây dựng I còn nợ tiền mua hàng là 3.401.372.721 đồng.

Theo nội dung hai bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng thì Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Giám sát Xây dựng I phải có trách nhiệm thanh toán tiền cho Công ty A trong thời gian 2 tháng kể từ ngày nhận hàng nhưng Công ty I không thực hiện đầy đủ. Nay nguyên đơn yêu cầu Công ty I phải trả số tiền mua bán nói trên và yêu cầu trả lãi suất chậm trả, thời gian chậm trả tính theo hợp đồng số 07 và chỉ yêu cầu theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, không yêu cầu theo lãi suất tại Điều 306 Luật thương mại. Ngày chậm thanh toán tính từ ngày 29/4/2022 đến ngày 29/5/2023, là 13 tháng, lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng, làm tròn).

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Giám sát Xây dựng I do ông Lý Quốc J, giám đốc đại diện theo pháp luật trình bày trong Biên bản hòa giải ngày 12/4/2023 của Tòa án như sau:*

Địa chỉ của công ty hiện nay vẫn ở thôn K, xã L, Tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Ông J không có ý kiến về các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp như Tòa án đã thông báo cho ông J có trong hồ sơ vụ án.

Ông J là giám đốc đại diện cho Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Giám sát Xây dựng I có ký các hợp đồng mua bán số 05, 06 và 07 với Công ty TNHH TM Xuất nhập khẩu A, như nguyên đơn trình bày ở trên là đúng.

Tổng cộng số tiền mua bán là 5.001.372.821 đồng. Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Giám sát Xây dựng I đã trả 05 lần tổng cộng 1.600.000.000 đồng vào các ngày như sau: ngày 11/3/2022 trả 500.000.000 đồng; ngày 14/3/2022 trả 500.000.000 đồng; ngày 15/3/2022 trả 300.000.000 đồng; ngày 16/3/2022 trả 200.000.000 đồng; ngày 25/3/2022 trả 100.000.000 đồng, còn nợ chưa thanh toán là 3.401.372.721 đồng.

Nay ông J thừa nhận còn nợ chưa thanh toán cho Công ty TNHH TM Xuất nhập khẩu A số tiền 3.401.372.721 đồng và đồng ý trả cho Công ty TNHH TM Xuất nhập khẩu A số tiền trên, còn tiền lãi suất trong buôn bán thương mại là không tính, ông J hẹn hai tuần cuối tháng 4 ông sẽ gửi trả cho nguyên đơn từ 100 triệu đến 200 triệu

đồng. Tuy nhiên, sau khi biên bản lập xong có đọc lại cho mọi người cùng nghe và xác nhận đúng nhưng ông J không ký biên bản. Tòa án có mời đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết chứng kiến và xác nhận ông Lý Quốc J có tham gia hòa giải và trình bày ý kiến như trên nhưng không ký biên bản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có công văn đề nghị Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Thuận cung cấp thông tin, tài liệu của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Giám sát Xây dựng I. Theo Văn bản số 25/CV-ĐKKD ngày 18/01/2023 của Phòng đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin, tài liệu kèm theo cho Tòa án như sau: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Giám sát Xây dựng I, mã số doanh nghiệp: 3401223760, được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 24/6/2021, địa chỉ trụ sở chính: thôn Tiến Hưng, xã Tiến Lợi, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, người đại diện theo pháp luật: Ông Lý Quốc J, loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH 2 thành viên trở lên. Đến ngày 11/01/2022, được cấp giấy CNĐKKD thay đổi lần thứ 1, theo đó công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên sang loại hình Công ty TNHH một thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3401223760, địa chỉ công ty: thôn K, xã L, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, người đại diện theo pháp luật: Ông Lý Quốc J.

Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đang được ghi nhận tại hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia là đang hoạt động.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng (nguyên đơn), kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, do bị đơn vắng mặt nên nguyên đơn không tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A (gọi tắt Công ty A) yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Giám sát Xây dựng I (gọi tắt Công ty I) phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền trong Hợp đồng mua bán. Do đó, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai công ty với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại thôn K, xã L, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

[2] Bị đơn đã hai lần vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A buộc bị đơn Công ty I phải trả số tiền mua bán vật liệu xây dựng còn nợ 3.401.372.721 đồng, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ (là bản sao có chứng thực) do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án gồm:

Hợp đồng mua bán số 05.2022/HĐMB/ĐQ-TP và Biên bản giao nhận hàng số 01/05.2022/HĐMB/ĐQ-TP cùng đề ngày 15/02/2022; Hợp đồng mua bán số 06.2022/HĐMB/ĐQ-TP và Biên bản giao nhận hàng số 01/06.2022/HĐMB/ĐQ-TP cùng đề ngày 23/02/2022 và Biên bản giao nhận hàng số 02/06.2022/HĐMB/ĐQ-TP ngày 25/02/2022; Hợp đồng mua bán số 07.2022/HĐMB/ĐQ-TP và Biên bản giao nhận hàng số 01/07.2022/HĐMB/ĐQ-TP và số 02/07.2022/HĐMB/ĐQ-TP cùng đề ngày 26/02/2022 và Biên bản giao nhận hàng số 03/07.2022/HĐMB/ĐQ-TP ngày 28/02/2022, được ký tên, đóng dấu giữa Công ty A và Công ty I; Các Giấy báo có thể hiện Công ty I đã chuyển tiền trả cho Công ty A 05 lần vào các ngày: 16/3/2022, 11/3/2022, 14/3/2022, 15/3/2022 và 25/3/2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín(Sacombank). Hội đồng xét xử xét thấy:

Công ty A đã ký các hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng như tôn lạnh, thép lá mạ, tôn cuộn...với Công ty I, cụ thể là Hợp đồng mua bán số 05 ngày 15/2/2022, số tiền là 691.357.451; Hợp đồng mua bán số 06 ngày 23/2/2022, số tiền là 1.309.700.806 đồng và Hợp đồng mua bán số 07 ngày 26/2/2022, số tiền là 3.000.314.464 đồng. Tổng cộng ba hợp đồng với số tiền là 5.001.372.821 đồng.

Công ty I đã năm lần thanh toán cho Công ty A tổng cộng 1.600.000.000 đồng theo các giấy báo có vào các ngày 11/3/2022 thanh toán 500.000.000 đồng; ngày 14/3/2022 thanh toán 500.000.000 đồng; ngày 15/3/2022 thanh toán 300.000.000 đồng; ngày 16/3/2022 thanh toán 200.000.000 đồng và ngày 25/3/2022 thanh toán 100.000.000 đồng.

Như vậy, Công ty I còn nợ tiền mua hàng là 3.401.372.721 đồng theo như nguyên đơn trình bày là đúng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nêu trên. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án ông Lý Quốc J đại diện theo pháp luật của Công ty I đã thừa nhận về tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thừa nhận còn nợ Công ty A số tiền 3.401.372.721 đồng. Do đó, xét thấy Công ty A yêu cầu Công ty I phải trả số tiền mua bán còn nợ 3.401.372.721 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về tiền lãi: Trong các hợp đồng số 05, số 06 và số 07 nói trên các bên thỏa thuận hình thức thanh toán trong thời gian 02 tháng kể từ khi nhận hàng. Theo hợp đồng số 05 ngày 15/02/2022, Công ty I nhận hàng từ ngày 15/02/2022, thì ngày chậm thanh toán tính từ ngày 16/4/2022; Theo hợp đồng số 06 ngày 23/02/2022, Công ty I nhận hàng từ ngày 23/02/2022 và ngày 25/02/2022, thì ngày chậm thanh toán tính từ ngày 26/4/2022; Theo Hợp đồng số 07 ngày 26/02/2022, Công ty I nhận hàng ngày 26/02/2022 và ngày 28/02/2022, thì ngày chậm thanh toán tính từ ngày 29/4/2022. Bị đơn đã trả cho nguyên đơn 05 lần tổng cộng 1.600.000.000 đồng cho

các hợp đồng số 05, số 06 và số 07 đều vào tháng 3 năm 2022. Nay Công ty A yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo hợp đồng số 07, từ ngày 29/4/2022 đến ngày 29/5/2023 (ngày xét xử), theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, không yêu cầu theo lãi suất tại Điều 306 Luật thương mại là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận và được tính như sau: từ ngày 29/4/2022 đến ngày 29/5/2023, là 13 tháng, với lãi suất 10%/năm là: 3.401.372.721 đồng x 0,83%/tháng (làm tròn) x 13 tháng = 367.008.000 đồng (làm tròn).

Từ những nhận định trên, buộc Công ty I phải trả cho Công ty A số tiền 3.768.380.721 đồng (trong đó tiền mua hàng là 3.401.372.721 đồng, tiền lãi là 367.008.000 đồng).

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 262, khoản 1 Điều 147 Bộ Luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

- Điều 24, Điều 34, Điều 35, Điều 37, Điều 50, Điều 55 Luật thương mại 2005;

- Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

- Luật Thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu A. Buộc Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Giám sát Xây dựng I phải trả cho Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu A số tiền **3.768.380.721** đồng (*Ba tỷ, bảy trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm tám mươi nghìn, bảy trăm hai mươi mốt đồng, trong đó tiền mua hàng là 3.401.372.721 đồng, tiền lãi là 367.008.000 đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Giám sát Xây dựng I phải nộp 107.367.614 đồng (*Một trăm lẻ bảy triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm mười bốn đồng*) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty

TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A số tiền 50.895.000 đồng (*Năm mươi triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0013764 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu ngày 19/10/2022.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Phan Thiết ;
- Chi cục THADSTP Phan Thiết;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan